

**CÔNG TY TNHH DPH SOLAR VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DPH SOLAR VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DPH SOLAR VIET NAM LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109263180

**3. Ngày thành lập:** 10/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 7/8/136 ngõ 1141 đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0901260289

Fax:

Email: [dphsolar@gmail.com](mailto:dphsolar@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                          | 3320        |
| 2.  | Sản xuất điện                                                                                                                                                                    | 3511(Chính) |
| 3.  | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                | 3900        |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                          | 4102        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                     | 4212        |
| 6.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                         | 4221        |
| 7.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                              | 4222        |
| 8.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Nhóm này gồm:<br>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.<br>- Chia tách đất với cải tạo đất | 4299        |
| 9.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                           | 4311        |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);                                                                                          | 4312        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                            | 4321        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                            | 4322        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Nhóm này gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.</li> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thang máy, thang cuốn,</li> <li>+ Cửa cuốn, cửa tự động,</li> <li>+ Dây dẫn chống sét,</li> <li>+ Hệ thống hút bụi,</li> <li>+ Hệ thống âm thanh,</li> <li>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4329 |
| 14. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330 |
| 15. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Nhóm này gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,</li> <li>+ Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),</li> <li>+ Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,</li> <li>+ Uốn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lợp mái các công trình nhà để ở,</li> <li>+ Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,</li> <li>+ Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp,</li> <li>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> </ul> </li> <li>- Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul> | 4390 |
| 16. | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa</p> <p>- Môi giới mua bán hàng hóa</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại nhà nước cấm).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4620 |
| 18. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4651 |
| 19. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652 |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Nhóm này gồm:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;<br>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;<br>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;<br>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;<br>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;<br>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4659 |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Nhóm này gồm:<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.                                                                                                                                                                                  | 4663 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản                                                                                                                                                                                                | 6820 |
| 23. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7020 |
| 24. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Khảo sát địa hình;<br>Khảo sát địa chất công trình.<br>Quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.<br>Kiểm định xây dựng<br>Giám sát thi công xây dựng công trình                                                                                       | 7110 |
| 25. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7120 |
| 26. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7410 |
| 27. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hội phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; hoạt động môi giới bản quyền, Tư vấn chứng khoán)<br>Chi tiết:<br>-Dịch vụ chuyển giao công nghệ                                                                             | 7490 |
| 28. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Nhóm này gồm:<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; | 7730 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                               | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ THIÊN HƯƠNG | 38 B1 Đại Kim-Định Công, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | 1.500.000.000         | 25,000    | 001172001099                                                                                                                                      |         |
| 2   | NGUYỄN XUÂN DƯƠNG      | Thôn Mỹ Nội, Xã Bắc Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | 3.000.000.000         | 50,000    | 011333421                                                                                                                                         |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG | Thôn Dương Đá, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | 1.500.000.000         | 25,000    | 012840991                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/02/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012840991

Ngày cấp: 26/01/2013

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Dương Đá, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Dương Đá, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội